

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

- Bản án số: **208/2017/DS-ST**;
- Ngày: 29/12/2017
- V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO, TỈNH TIỀN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Phạm Văn Tài**;
 - *Các Hội thẩm nhân dân:*
 - + Ông: **Nguyễn Văn Giang**
 - + Ông **Nguyễn Trung Trực**
 - *Thư ký phiên tòa:* Ông **Nguyễn Hòa Hợp** Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo.
 - *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo không tham gia phiên tòa:*
- Ngày 29 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 333/2017/TLST-DS ngày 03/10/2017 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 246/2017/QĐST-DS ngày 05/12/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 399/2017/QĐST-DS ngày 19/12/2017 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Nguyễn Thành A, sinh năm 1963;

Huỳnh Thị B, sinh năm 1967;

Cùng địa chỉ: ấp M, xã N, huyện X, Tiền Giang

*** Người đại diện theo ủy quyền: Phạm Ngọc C, sinh năm 1972 (có mặt)**

Địa chỉ: ấp O, xã N, huyện X, Tiền Giang

2. Bi đơn: Lê Thị Mười D, sinh năm 1965 (có mặt);

Huỳnh Thị Thanh E, sinh năm 1988 (có mặt);

Cùng địa chỉ: ấp M, xã N, huyện X, Tiền Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn Nguyễn Thành A, Huỳnh Thị B cũng như tại biên bản hòa giải và tại phiên tòa anh Phạm Ngọc C người đại diện theo ủy quyền của bà B và ông A trình bày:*

Ngày 23/4/2017 âm lịch ông A và bà B có cho bà Lê Thị Mười D và chị Huỳnh Thị Thanh E (bà D là mẹ ruột chị E) vay số tiền 160.000.000 đồng không tính lãi, mỗi tháng trả vốn là 7.000.000 đồng, cho đến khi hết số nợ trên, bắt đầu trả tháng đầu tiên là ngày 23/5/2017 (âm lịch). Bà D và chị E có làm giấy biên nhận nợ đề ngày 23/4/2017 (âm lịch), trong biên nhận thể hiện có mượn vợ chồng anh Bảy B (tức là vợ chồng ông A, bà B) kể từ khi mượn nợ đến ngày 15/7/2017 (âm lịch) phía bà D, chị E không trả số nợ trên, mặc dù ông A, bà B đã nhiều lần gặp bà D, chị E để yêu cầu trả nợ, nhưng bà D, chị E cứ hứa hẹn kéo dài việc thanh toán nợ cho đến nay gây thiệt thòi cho ông A, bà B. Việc bà D và chị E cho rằng ban đầu chị E chỉ vay 10.000.000 đồng và đóng lãi hàng ngày sau đó chị có vay thêm tiền, dần dần bà B và ông A cộng vốn và lãi thành 72.000.000 đồng, tiếp đến do bà D và chị E không có khả năng đóng lãi nên ông A và bà B tính lãi gộp vào vốn và cần qua thành 02 dây hụi với số tiền hụi chết lên đến 160.000.000 đồng và bắt mỗi tháng phải trả lại 7.000.000 đồng là không đúng.

Nay ông A, bà B yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Lê Thị Mười D, chị Huỳnh Thị Thanh E liên đới trả cho ông, bà số tiền vay 160.000.000 đồng không yêu cầu tính lãi, yêu cầu trả 1 lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

*** *Tại bản tự khai, qua hòa giải và tại phiên tòa, bị đơn Lê Thị Mười D trình bày:*** Bà là mẹ của chị E, việc chị E vay tiền của ông A và bà B là có thật nhưng số tiền vay ban đầu chỉ có 10.000.000 đồng và phải đóng lại lãi hàng ngày, do E không có khả năng đóng lãi nên ông A và bà B tính lãi gộp vào vốn tổng cộng 72.000.000 đồng và cần qua thành 02 dây hụi với số tiền hụi chết lên đến 160.000.000 đồng nhưng thực chất con bà bị ông A và bà B lừa gạt dẫn đến số nợ như trên, do bà không biết chữ nên khi ông A và bà B làm tờ biên ghi sẵn kêu bà ký tên thì bà có ký vào, nhưng thực tế nội dung trong biên nhận như thế nào thì bà không biết. Nay bà đồng ý cùng chị E trả số tiền 72.000.000 đồng và xin trả mỗi tháng 1.000.000 đồng, bà không đồng ý trả 160.000.000 đồng.

*** *Tại bản tự khai, hòa giải và tại phiên tòa, bị đơn Huỳnh Thị Thanh E trình bày:***

Khoảng năm 2015, chị có vay của ông A, bà B số tiền 10.000.000 đồng với lãi suất là 1 ngày 80.000đồng, khoản 10 ngày sau chị có vay nhiều lần số tiền lên khoản hơn 20.000.000đồng, với lãi suất cứ 1.000.000 đồng thì lãi 10.000 đồng/ngày cho nên mỗi ngày phải trả 200.000 đồng tiền lãi, chị có trả lãi được đến ngày 23 tết âm lịch năm 2016 thì chị ngưng do không có khả năng đóng tiếp đến qua tết vào ngày 16 âm lịch chị mới tiếp tục góp lại, nhưng thời gian này bà B tính lãi suất của những ngày trong tết do chị không góp để tính vào số tiền vốn và lãi và từ đó chị có đóng lãi rất nhiều lần và chị có vay thêm một số tiền nên đến thời gian này số tiền vốn trước đây cộng số tiền lãi và số tiền chị vay thêm lên đến hơn 40.000.000 đồng từ đó chị đóng lãi mỗi ngày 500.000 đồng, đóng được thời gian rất lâu chị không nhớ do số tiền lãi đóng hàng ngày quá lớn, đồng thời kinh tế khó khăn nên chị không đóng tiếp nên số tiền lên đến hơn 72.000.000đồng, sau đó bà B rủ chị chơi hụi

2.000.000 đồng để trừ vào số tiền nợ, mỗi ngày chị phải đóng cho bà B 70.000 đồng tiền hụi và số tiền lãi của tiền nợ, do không đóng đủ nên bà B buộc chị phải chơi một phần hụi 5.000.000 đồng, sau bà B tính 02 phần hụi này đến mãn là 160.000.000 đồng và buộc chị và mẹ chị ký vào giấy nợ do ông A viết sẵn nội dung bắt chị ghi lại đúng theo giấy mà chồng ông A ghi sẵn. Do đó, việc ông A và bà B kiện yêu cầu chị và bà D trả 160.000.000 đồng là không đúng, chị chấp nhận trả số tiền 72.000.000 đồng và xin trả mỗi tháng 1.000.000 đồng.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, ý kiến của đương sự

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Ông Nguyễn Thành A, bà Huỳnh Thị B cùng bà Lê Thị Mười D, chị Huỳnh Thị Thanh E có thỏa thuận vay tài sản (tiền) với nhau, hai bên đã giao nhận tiền xong, do bà D, chị E vi phạm nghĩa vụ trả tiền nên ông A, bà B khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà D và chị E trả lại số tiền 160.000.000 đồng. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "*tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện; do các đương sự hiện đang cư trú, sinh sống tại ấp M, xã N, huyện X nên Tòa án nhân dân huyện X có thẩm quyền giải quyết là phù hợp quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và quy định của Bộ luật dân sự năm 2015.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của ông A, bà B, Hội đồng xét xử nhận thấy: ông A, bà B có đơn khởi kiện yêu cầu chị E và bà Mười D trả số tiền vay 160.000.000 đồng, căn cứ khởi kiện là "*Biên nhận ngày 23/4/2017 âm lịch*" do chị E viết, bà D và chị E ký tên. Bà D và chị E thừa nhận giấy biên nhận này do chị E viết, bà D và chị E có ký tên và hứa mỗi tháng trả lại ông A và bà B 7.000.000 đồng nhưng số tiền này bà D và chị E không có nhận, thực ra số tiền nợ chỉ có 72.000.000 đồng do ông A, bà B cộng vốn và lãi và quy ra thành 02 dây hụi tổng cộng 160.000.000 đồng. Nay bà và chị E chỉ đồng ý trả 72.000.000 đồng và xin trả mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

[3] Xét thấy, tại bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, chị E và bà D thừa nhận đã nhiều lần vay tiền của bà B và ông A, giấy Biên nhận ngày 23/4/2017 âm lịch do chị E và bà D viết và ký tên, trong đó có thể hiện nội dung bà D và chị E có vay của anh 7 B (ông A, bà B) số tiền 160.000.000 đồng để làm ăn, mỗi tháng trả lại ông A và bà B 7.000.000 đồng đến khi đủ số nợ trên tuy nhiên, số tiền này bà D và chị E không có nhận, thực ra số tiền nợ chỉ có 72.000.000 đồng do ông A, bà B cộng vốn và lãi và quy ra thành 02 dây hụi, gồm dây hụi 2.000.000 đồng và dây hụi 5.000.000 đồng, tính đến mãn hụi tổng cộng 160.000.000 đồng nên mỗi tháng chị E, bà D phải đóng lại hụi chết là 7.000.000 đồng, số tiền này bà và chị E không có nhận tiền, việc quy ra thành dây hụi do ông A, bà B quy đổi chứ thật sự không có dây hụi, thảo hụi cũng như hụi viên. Lời trình bày của bà D và chị E không được phía ông A, bà B thừa nhận, bà D, chị E không có chứng cứ chứng minh bà và chị chỉ vay của ông A, bà B số tiền ban đầu 10.000.000 đồng với lãi suất là mỗi ngày 80.000 đồng,

sau đó chị E có vay tiếp nhiều lần do không tiền đóng lãi nên bà B và ông A cộng dồn vốn, lãi và quy ra thành 02 dây hụi chết nên số nợ tổng cộng là 160.000.000 đồng; bà D và chị E cũng không có chứng cứ chứng minh bà và chị E chỉ nợ bà B, ông A số tiền 72.000.000 đồng cũng như chứng cứ để chứng minh chị E có trả tiền lãi cho ông A, bà B trong thời gian qua, hơn nữa chị E và bà D cũng không có chứng cứ chứng minh bà và chị E bị ông A, bà B lừa gạt dẫn đến số nợ như trên trong khi chị E và bà D thừa nhận giấy *Biên nhận ngày 23/4/2017 âm lịch* do chị và bà D viết và ký tên nên Hội đồng xét xử không thể chấp nhận lời trình bày của bà D và chị E mà chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông A và bà B, buộc bà D và chị E trả số nợ 160.000.000 đồng là phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về tiền lãi: ông A và bà B không yêu cầu tính lãi đối với số nợ 160.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về thời gian trả nợ: ông A và bà B yêu cầu bà D và chị E trả số nợ 160.000.000 đồng làm một lần khi án có hiệu lực pháp luật, bà D và chị E chỉ đồng ý trả 72.000.000 đồng và xin trả mỗi tháng 1.000.000 đồng đến khi hết nợ. Xét thấy, yêu cầu khởi kiện của ông A và bà B được chấp nhận, số nợ này lớn và thời gian đã lâu, nếu để kéo dài sẽ thiệt thòi quyền lợi của ông A và bà B nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông A và bà B, buộc bà D và chị E trả số tiền 160.000.000 đồng làm một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Tuy nhiên, bà D và chị E có đơn xin giảm án phí do hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn, có xác nhận của UBND địa phương nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 13 Nghị quyết nêu trên, chấp nhận giảm $\frac{1}{2}$ án phí cho bà D và chị B

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ Điều 463, Điều 466 và khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Căn cứ khoản 1 Điều 13, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Dn Thường Vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

*** Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thành A và bà Huỳnh Thị B.**

Bà Lê Thị Mười D và chị Huỳnh Thị Thanh E có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Nguyễn Thành A và bà Huỳnh Thị B số tiền vay 160.000.000 đồng (*Một trăm sáu mươi triệu đồng*), trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ khi Bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành án xong, nếu chị E và bà D chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải trả lãi theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

*** Về án phí dân sự sơ thẩm:**

- Chị E và bà D phải chịu 4.000.000 (Bốn triệu) đồng
- Hoàn lại cho ông A, bà B số tiền 4.000.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 35701 ngày 03/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện X.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo Bản án đến Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang để yêu cầu xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

*** Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tỉnh TG;
- VKSND huyện X;
- Chi cục THADS huyện X;
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký và đóng dấu)

Phạm Văn Tài